

Bản án số: 609/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2019

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 1169/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường B, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày: Bà và ông Phan Quốc T chung sống từ năm 2006 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119-KH, quyển số 01-2006 ngày 14/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều bất đồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có cách giải quyết dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hòa hợp nên bà H yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Phan Nguyễn Anh H, sinh ngày 05/12/2007. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông

Phan Quốc T cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000 (bảy triệu) đồng mỗi tháng cho tới khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà H khai không có.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa cung cấp lời khai, cụ thể: biên bản ngày 07/01/2019 tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập lập bản tự khai; biên bản ngày 11/02/2019 triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tổng đạt ngày 10/4/2019 về triệu tập tham gia phiên hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà H có mặt, ông T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Quốc T và giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu buộc ông Phan Quốc T cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000 (bảy triệu) đồng mỗi tháng cho tới khi con chung thành niên nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có.

Bị đơn ông Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tổng đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119-KH, quyền số 01/2006 ngày 14/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà H với ông T là hợp pháp. Theo phiếu xác minh của Công an địa phương thì ông T hiện cư trú tại địa chỉ: đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông T không liên lạc từ 2015 đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Xét nguyện vọng của con chung muốn ở với mẹ, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mai H có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Phan Quốc T, địa chỉ: đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Phan Quốc T: Tòa án Toà án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho ông T tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119-KH, quyển số 01-2006 ngày 14/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mai H và ông Phan Quốc T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua các bản tự khai của bà H và các buổi làm việc tại Tòa án, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống, bà đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không thành; bà xác định có 01 con chung là Phan Nguyễn Anh H, sinh ngày 05/12/2007, về tài sản chung và nợ chung không có.

Về phía ông T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các quyết định của Tòa án cho ông T nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án để làm việc theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định ông T và bà H đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T.

[3] Xét đề nghị của đương sự như sau:

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Nguyễn Anh H, sinh ngày 05/12/2007. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay trẻ Anh H do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng và trẻ Anh H có nguyện vọng được sinh sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao trẻ Anh H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037519 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai H:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với ông Phan Quốc T.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Nguyễn Anh H, sinh ngày 05/12/2007. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T do bà H không yêu cầu giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

2. Về án phí: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí

do bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037519 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (Yến/12)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thụy Hồng Châu